

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6340202

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (*hệ tốt nghiệp THPT*)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành, nghề: 6340202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3,0 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Tài chính - Ngân hàng là ngành nghề liên quan đến các dịch vụ giao dịch, luân chuyển tiền tệ thông qua ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các công cụ tài chính của ngân hàng phát hành trong phạm vi nội địa và quốc tế; lĩnh vực tài chính tại các doanh nghiệp. Nghề Tài Chính -Ngân hàng là nghề thực hiện các công việc: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ nhập khẩu, tài trợ xuất khẩu), nghiệp vụ thanh toán (thanh toán cá nhân, thanh toán doanh nghiệp, thanh toán trong nước và quốc tế), kế toán ngân hàng thương mại, nghiệp vụ kho quỹ, xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng thương mại (rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, tác nghiệp...), thẩm định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp, phân tích và quản trị tài chính, môi giới chứng khoán, nghiệp vụ đầu tư tài chính và một số nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nghề Tài chính - Ngân hàng trình độ cao đẳng đòi hỏi các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng nhu cầu của công việc như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, giới thiệu sản phẩm, thuyết phục khách hàng, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học, kỹ năng quản lý thời gian, tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, làm việc theo nhóm... để đáp ứng yêu cầu của từng vị trí công việc và yêu cầu làm việc trong môi trường đầy năng động, giàu tính cạnh tranh và toàn cầu hóa. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề. Người học sau khi tốt nghiệp nghề Tài chính- Ngân hàng trình độ cao đẳng phải đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam. Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân thực hành trình độ cử nhân cao đẳng có kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của doanh nghiệp và nhu cầu xã hội. Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế - Tài chính - Ngân hàng; thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về thực hành các nghiệp vụ có liên quan Tài chính - Ngân hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 . Kiến thức

- Kiến thức đại cương:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quân sự và rèn luyện sức khỏe;

+ Trình bày được các kiến thức về chính trị, kinh tế, xã hội để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận vấn đề thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng.

- Kiến thức cơ sở ngành:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài chính tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, quản trị học, kế toán;

+ Trình bày được kiến thức ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

+ Trình bày được kiến thức tin học trong công tác Tài chính - Ngân hàng đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản;

+ Các kiến thức cơ sở ngành sẽ là cơ sở để nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành.

- Kiến thức chuyên ngành:

+ Liệt kê, mô tả được các biểu mẫu, chứng từ ngân hàng liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (tín dụng cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ thương mại), kho quỹ, thẩm định tín dụng, xử lý nợ, kế toán;

+ Liệt kê được quy trình thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ thương mại), kho quỹ, thẩm định tín dụng, xử lý nợ;

+ Trình bày được các kiến thức và nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp, kế toán ngân hàng;

+ Liệt kê, xử lý và phòng ngừa được các rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng; trình bày được các bước trong quy trình xử lý các rủi ro trong ngân hàng thương mại;

+ Định giá, phân tích và trình bày được cách thức thực hiện các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán;

+ Trình bày được một số chỉ tiêu tài chính, sử dụng đánh giá tình hình kinh tế, ngân hàng và thị trường tài chính;

+ Tính toán, trình bày và phân tích được được các chỉ tiêu tài chính để định giá tài sản doanh nghiệp, thẩm định tài sản và quản trị tài chính.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2 Kỹ năng

- Kỹ năng nhận thức:

+ Vận dụng tư duy, sáng tạo, giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phân biện, làm việc nhóm khi thực hiện công việc;

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào thực tiễn, từng bước phát triển năng lực nghề nghiệp;

+ Lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề trong công việc;

+ Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Lập được kế hoạch tổ chức và thực hiện công việc theo kế hoạch;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Kỹ năng thực hành nghề:

+ Lập được các chứng từ, phân loại, kiểm tra, xử lý các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (tín dụng cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ thương mại), kho quỹ, thẩm định tín dụng, xử lý nợ, quản trị tài chính, môi giới chứng khoán;

+ Thực hiện được các công việc theo các bước trong quy trình của nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán...), kho quỹ, thẩm định tín dụng, quản trị tài chính, thẩm định tài sản, môi giới chứng khoán;

+ Hạch toán được các nghiệp vụ kế toán, lập được các báo cáo theo quy định của pháp luật.

+ Dự báo, phát hiện và đề ra được các biện pháp hạn chế các rủi ro trong hoạt động ngân hàng thương mại (rủi ro tín dụng, lãi suất, thanh khoản, tỷ giá, tác nghiệp...)

+ Thiết lập được các bước xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng thương mại.

+ Áp dụng được các phương pháp, các công thức tính toán để phân tích tài chính;

+ Xây dựng được việc phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực dịch vụ Tài chính - Ngân hàng;

+ Vận dụng được lý thuyết vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước;

- Cần cù, chịu khó, sáng tạo, cầu tiến trong công việc;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo và tổ chức;

- Thực hiện nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Đoàn kết, hợp tác, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc;

- Làm việc có phương pháp khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;

- Tự tin, chủ động trong xác định mục đích, yêu cầu công việc, cách thức thực hiện công việc;

- Phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao;

- Tự đánh giá được kết quả công việc của bản thân và kết quả công việc của nhóm;

- Thích nghi và xử lý được những vấn đề phức tạp, thích ứng được khi điều kiện làm việc thay đổi;

- Chịu được áp lực công việc;

- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng có thể làm công việc tại các đơn vị sau:

- Ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính ngân hàng và các loại hình doanh nghiệp khác, các tổ chức tài chính; quỹ đầu tư, sàn giao dịch chứng khoán;
- Công ty bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ tín dụng hoặc làm nhân viên kế toán của các công ty;
- Bộ phận tài chính của các công ty, tập đoàn.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 *tín chỉ*
- Số lượng môn học: 30
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (*giờ/tín chỉ*)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.440/61 (*giờ/tín chỉ*)
- Khối lượng lý thuyết: 720 (giờ); thực hành, thực tập: 1.155 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.

5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Hiểu biết cơ bản về kinh tế thị trường
2	NLCL-02	Hiểu biết cơ bản về tài chính - tiền tệ - ngân hàng
3	NLCL-03	Hiểu biết cơ bản về kế toán
4	NLCL-04	Hiểu biết cơ bản về tài chính quốc tế
5	NLCL-05	Phân tích và xử lý các rủi ro tỷ giá hối đoái
6	NLCL-06	Hiểu biết cơ bản về thị trường tài chính
7	NLCL-07	Định giá và phân tích các hàng hóa trên thị trường chứng khoán
8	NLCL-08	Hiểu biết cơ bản về bảo hiểm
9	NLCL-09	Tính toán và khai báo thuế trong các doanh nghiệp
10	NLCL-10	Tính toán và phân tích các chỉ tiêu tài chính trong doanh nghiệp
11	NLCL-11	Tính toán và phân tích các chỉ tiêu tài chính trong doanh nghiệp
12	NLCL-12	Lập các chứng từ, phân loại, kiểm tra và xử lý các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, thanh toán, tín dụng, thẩm định tín dụng.
13	NLCL-13	Xây dựng quy trình của nghiệp vụ huy động vốn, thanh toán tín dụng, thẩm định tín dụng, thẩm định tài sản.
14	NLCL-14	Lập báo cáo và hạch toán các nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng thương mại.
15	NLCL-15	Xây dựng phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực tài chính - Ngân hàng.

16	NLCL-16	Đánh giá các hoạt động marketing trong ngân hàng thương mại.
17	NLCL-17	Lập dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước.
18	NLCL-18	Tổ chức quá trình phân phối Thu - Chi ngân sách nhà nước.
19	NLCL-19	Tính toán tỷ suất sinh lời và rủi ro trong đầu tư tài chính.
20	NLCL-20	Dự báo, phát hiện và đề xuất các biện pháp hạn chế các rủi ro (tín dụng, thanh khoản, tỷ giá, lãi suất...) trong ngân hàng thương mại.
21	NLCL-21	Tính toán và phân tích các chỉ tiêu tài chính doanh nghiệp.
22	NLCL-22	Thực hành các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, quản trị các rủi ro trong ngân hàng thương mại.
23	NLCL-23	Thực hành dự toán ngân sách nhà nước tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.
24	NLCL-24	Soạn thảo các văn bản .
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán xu hướng vận động, phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội.
2	NLNC-02	Xử lý trình tự các rủi ro trong ngân hàng thương mại và đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.
3	NLNC-03	Xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả.
4	NLNC-04	Thực hiện các công việc theo quy trình của nghiệp vụ ngân hàng trung ương.
5	NLNC-05	Đánh giá và thẩm định một dự án đầu tư.
IV Năng lực bổ trợ		
1	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
2	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;

3	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;
---	---------	---

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập /thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học chuyên môn					
II.1	Môn học cơ sở	17	285	208	60	17
CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
CNH202	Tài chính – tiền tệ - Ngân hàng	3	45	42	0	3
CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
CNH302	Tài chính quốc tế	3	45	42	0	3
CNH303	Thị trường tài chính	3	45	42	0	3
CNH201	Bảo hiểm	2	30	28	0	2
II.2	Môn học chuyên môn	36	1.005	176	809	20
CNH305	Thuế	3	60	27	30	3

CNH310	Tài chính doanh nghiệp	3	45	42	0	3
CNH404	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	90	26	60	4
CNH402	Kế toán ngân hàng thương mại	3	75	12	60	3
CNH403	Marketing ngân hàng	3	45	42	0	3
CNH405	Quản lý tài chính nhà nước	3	60	27	30	3
CNH308	Tin học tài chính	1	30	0	29	1
CNH507	Thực tập doanh nghiệp 1	4	180	0	180	0
CNH601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
II.3	Môn học tự chọn, nâng cao	12	210	140	58	12
	Môn học nâng cao	8	150	84	58	8
CNH401	Đầu tư tài chính	3	45	42	0	3
CNH501	Quản trị ngân hàng thương mại	3	45	42	0	3
CNH503	Thực hành chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	2	60	0	58	2
	Môn học tự chọn	4	60	56	0	4
CTM101	Nguyên lý thống kê	2	30	28	0	2
CKT304	Soạn thảo văn bản	2	30	28	0	2
CNH301	Ngân hàng trung ương	2	30	28	0	2
CNH309	Thẩm định dự án đầu tư	2	30	28	0	2
Tổng cộng:		80	1.875	681	1.122	72

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm

				giờ			tra
		Môn học bắt buộc	13	255	110	132	13
1	CMC113	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
4	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
5	CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng:			13	255	110	132	13

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	15	345	143	183	19
1	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	CMC211	Tiếng anh	4	120	42	72	6
3	CNH202	Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng	3	45	42	0	3
4	CNH305	Thuế	3	60	27	30	3
5	CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
Tổng cộng:			15	345	143	183	19

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra

		Môn học bắt buộc	12	195	123	60	12
1	CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
2	CNH310	Tài chính doanh nghiệp	3	45	42	0	3
3	CNH303	Thị trường tài chính	3	45	42	0	3
4	CNH302	Tài chính quốc tế	3	45	42	0	3
		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
5	CKT304	Soạn thảo văn bản	2	30	28	0	2
6	CTM101	Nguyên lý thống kê	2	30	28	0	2
Tổng cộng			14	225	151	60	14

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	12	225	123	90	12
1	CNH201	Bảo hiểm	2	30	28	0	2
2	CNH404	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	90	26	60	4
3	CNH405	Quản lý tài chính nhà nước	3	60	27	30	3
4	CNH403	Marketing ngân hàng	3	45	42	0	3
		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
5	CNH301	Ngân hàng trung ương	2	30	28	0	2
6	CNH309	Thẩm định dự án đầu tư	2	30	28	0	2
Tổng cộng:			14	255	151	90	14

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	14	375	96	269	10
1	CNH401	Đầu tư tài chính	3	45	42	0	3
2	CNH402	Kế toán ngân hàng thương mại	3	75	12	60	3
3	CNH501	Quản trị ngân hàng thương mại	3	45	42	0	3
4	CNH308	Tin học tài chính	1	30	0	29	1
5	CNH507	Thực tập doanh nghiệp 1	4	180	0	180	0
Tổng cộng:			14	375	96	269	10

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	10	420	0	418	2
1	CNH503	Thực hành chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	2	60	0	58	2
2	CNH601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
3	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng:			10	420	0	418	2

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo): Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong

khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/nghề được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Cử nhân thực hành

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long